

PHỤ LỤC 01- ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường Tứ Minh)

Đvt: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt (theo lần cuối cùng nếu có)				Kế hoạch vốn giai đoạn (2021-2025) NQ 10/NQ-HĐND ngày 31/7/2025	Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Kế hoạch vốn 2021-2025 sau điều chỉnh	Số dự án
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	TỔNG CỘNG			218,558.1	218,558.1	134,588.7	(19,445.3)	115,143.4	19
I	CÔNG TRÌNH DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI			137,397.6	137,397.6	134,588.7	(23,202.3)	111,386.4	15
II	DỰ ÁN BỔ SUNG MỚI, TRIỂN KHAI NĂM 2025			81,160.5	81,160.5	-	3,757.0	3,757.0	4
	Chi tiết như sau:								
I	CÔNG TRÌNH DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI			137,397.6	137,397.6	134,588.7	(23,202.3)	111,386.4	15
1	Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2024 trở về trước			3,000.0	3,000.0	3,000.0	-	3,000.0	1
1.1	Cải tạo, sửa chữa lớp học 2 tầng 8 phòng, 2 tầng 6 phòng Nhà hiệu bộ sân trường tiểu học xã Cẩm Đoài	Số 99/QĐ-UBND ngày 20/7/2023		3,000.0	3,000.0	3,000.0		3,000.0	1
2	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025			65,897.6	65,897.6	65,783.7	(4,291.3)	61,492.4	13
2.1	Nhà ăn, nhà xe, nhà vệ sinh, tường rào, cống, hệ thống thoát nước, sân trường TH Cẩm Đoài	Số 144/QĐ-UBND ngày 21/7/2022		7,924.0	7,924.0	7,924.0	(20.3)	7,903.7	1
2.2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài. Tuyến 2: Từ cống làng Ha Xá đến cống nhà ông Vũ Văn Hồng,	Số 109/QĐ-UBND ngày 31/7/2023		5,631.0	5,631.0	5,631.0		5,631.0	1
2.3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài. Tuyến 3: Thôn Ha Xá. Từ Nhà văn hoá thôn Ha Xá đến nhà ông Vũ Văn Độ xóm Hoà Bình	Số 110/QĐ-UBND ngày 31/7/2023		8,131.7	8,131.7	8,131.7		8,131.7	1

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt (theo lần cuối cùng nếu có)				Kế hoạch vốn giai đoạn (2021-2025) NQ 10/NQ-HĐND ngày 31/7/2025	Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Kế hoạch vốn 2021-2025 sau điều chỉnh	Số dự án
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP				
2.4	Sân thể thao, nhà tập luyện thể thao thôn Kim Xá	Số 187/QĐ-UBND ngày 25/12/2023		7,618.0	7,618.0	7,618.0		7,618.0	1
2.5	Cải tạo, sửa chữa hội trường và nhà làm việc với Đảng ủy - UBND - HĐND xã Cẩm Đoài	Số 85/QĐ-UBND ngày 20/6/2023		627.0	627.0	627.0	(1.4)	625.6	1
2.6	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Cẩm Đoài	Số 63/QĐ-UBND ngày 22/5/2024		3,549.0	3,549.0	3,637.0	(88.2)	3,548.8	1
2.7	Cải tạo, sửa chữa mái nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, mái che sân trường MN Cẩm Đoài	Số 184/QĐ-UBND ngày 05/12/2024		279.9	279.9	279.0		279.0	1
2.8	Cải tạo, sửa chữa mái nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ trường TH Cẩm Đoài	Số 185/QĐ-UBND ngày 06/12/2024		452.0	452.0	251.0	(0.4)	250.6	1
2.9	Cải tạo nhà làm việc 3 tầng, nhà vệ sinh trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Tứ Minh, TP Hải Dương	Số 115/QĐ-UBND ngày 19/5/2025		1,950.0	1,950.0	1,950.0		1,950.0	1
2.10	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới Thượng Đạt, phường Tứ Minh, TP Hải Dương	Số 132/QĐ-UBND ngày 20/6/2025		830.0	830.0	830.0		830.0	1
2.11	Xây dựng nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Tứ Minh	Số 240/QĐ-UBND ngày 21/10/2024		11,800.0	11,800.0	11,800.0	(460.0)	11,340.0	1
2.12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vũ Mạnh Hùng, khu Lộ Cương, phường Tứ Minh, TPHD, đoạn từ đường Trường Chinh đến đình Lộ Cương	Số 62/QĐ-UBND ngày 12/3/2025		4,300.0	4,300.0	4,300.0	(202.0)	4,098.0	1
2.13	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước khu dân cư Lộ Cương A, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương	Số 62/QĐ-UBND - 10/04/2023		12,805.0	12,805.0	12,805.0	(3,519.0)	9,286.0	1
3	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025			68,500.0	68,500.0	65,805.0	(18,911.0)	46,894.0	1

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt (theo lần cuối cùng nếu có)				Kế hoạch vốn giai đoạn (2021-2025) NQ 10/NQ-HĐND ngày 31/7/2025	Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Kế hoạch vốn 2021-2025 sau điều chỉnh	Số dự án
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP				
3.1	Xây dựng trường THCS Tứ Minh, phường Tứ Minh	Số 280/QĐ-UBND ngày 20/11/2023		68,500.0	68,500.0	65,805.0	(18,911.0)	46,894.0	1
II	DỰ ÁN BỔ SUNG MỚI, TRIỂN KHAI NĂM 2025			81,160.5	81,160.5	-	3,757.0	3,757.0	4
1	Dự án Cải tạo, sửa chữa các khối nhà lớp học Trường Tiểu học Tứ Minh	906/QĐ-UBND ngày 24/10/2025		5,077.0	5,077.0	-	800.0	800.0	1
2	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng 12 phòng trường THCS Cẩm Đoài, phường Tứ Minh	903/QĐ-UBND ngày 24/10/2025		16,209.0	16,209.0	-	2,000.0	2,000.0	1
3	Cải tạo, sửa chữa mặt đường, hệ thống thoát nước các tuyến phố Phạm Quý Thích, Phạm Duy Ường và Lý Tử Cầu tổ dân phố Cẩm Khê A thuộc phường Tứ Minh	905/QĐ-UBND ngày 24/10/2025		11,176.0	11,176.0	-	300.0	300.0	1
4	Cải tạo thoát nước, đường giao thông một số tuyến đường chính thôn Quảng Cư, Há Xá thuộc phường Tứ Minh	904/QĐ-UBND ngày 24/10/2025		48,698.5	48,698.5	-	657.0	657.0	1

PHỤ LỤC 02- ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường Tứ Minh)

Đvt: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết KH năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Số Dự án
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư được phê duyệt (theo lần cuối cùng nếu có)							
			Thời gian KC-HT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách địa phương					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	TỔNG CỘNG			215,558.1	215,558.1	64,186.3	67,402.4	(19,445.3)	47,957.1	18
I	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025			65,897.6	65,897.6	48,168.9	17,614.8	(4,291.3)	13,323.5	13
II	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025			68,500.0	68,500.0	16,017.4	49,787.6	(18,911.0)	30,876.6	1
III	Dự án dự kiến khởi công mới năm 2025			81,160.5	81,160.5	-	-	3,757.0	3,757.0	4
	Chi tiết như sau									
I	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025			65,897.6	65,897.6	48,168.9	17,614.8	(4,291.3)	13,323.5	13
1	Nhà ăn, nhà xe, nhà vệ sinh, tường rào, cống, hệ thống thoát nước, sân trường TH Cẩm Đoài	Số 144/QĐ-UBND ngày 21/7/2022		7,924.0	7,924.0	7,832.0	92.0	(20.3)	71.7	1
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài. Tuyến 2: Từ cống làng Ha Xá đến cống nhà ông Vũ Văn Hồng,	Số 109/QĐ-UBND ngày 31/7/2023		5,631.0	5,631.0	5,387.2	243.8		243.8	1
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài. Tuyến 3: Thôn Ha Xá. Từ Nhà văn hoá thôn Ha Xá đến nhà ông Vũ Văn Độ xóm Hoà Bình	Số 110/QĐ-UBND ngày 31/7/2023		8,131.7	8,131.7	7,788.9	342.8		342.8	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết KH năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Số Dự án
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư được phê duyệt (theo lần cuối cùng nếu có)							
			Thời gian KC-HT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách địa phương					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
4	Sân thể thao, nhà tập luyện thể thao thôn Kim Xá	Số 187/QĐ-UBND ngày 25/12/2023		7,618.0	7,618.0	7,223.0	395.0		395.0	1
5	Cải tạo, sửa chữa hội trường và nhà làm việc với Đảng ủy - UBND - HĐND xã Cẩm Đoài	Số 85/QĐ-UBND ngày 20/6/2023		627.0	627.0	602.0	25.0	(1.4)	23.6	1
6	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Cẩm Đoài	Số 63/QĐ-UBND ngày 22/5/2024		3,549.0	3,549.0	1,966.8	1,670.2	(88.2)	1,582.0	1
7	Cải tạo, sửa chữa mái nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, mái che sân trường MN Cẩm Đoài	Số 184/QĐ-UBND ngày 05/12/2024		279.9	279.9	-	279.0		279.0	1
8	Cải tạo, sửa chữa mái nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ trường TH Cẩm Đoài	Số 185/QĐ-UBND ngày 06/12/2024		452.0	452.0	-	251.0	(0.4)	250.6	1
9	Cải tạo nhà làm việc 5 tầng, nhà vệ sinh trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Tứ Minh, TP Hải Dương	Số 115/QĐ-UBND ngày 19/5/2025		1,950.0	1,950.0	1,336.0	614.0		614.0	1
10	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới Thượng Đạt, phường Tứ Minh, TP Hải Dương	Số 132/QĐ-UBND ngày 20/6/2025		830.0	830.0	553.0	277.0		277.0	1
11	Xây dựng nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Tứ Minh	Số 240/QĐ-UBND ngày 21/10/2024		11,800.0	11,800.0	7,000.0	4,800.0	(460.0)	4,340.0	1
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vũ Mạnh Hùng, khu Lộ Cương, phường Tứ Minh, TPHD, đoạn từ đường Trường Chinh đến đình Lộ Cương	Số 62/QĐ-UBND ngày 12/3/2025		4,300.0	4,300.0	-	4,300.0	(202.0)	4,098.0	1
13	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước khu dân cư Lộ Cương A, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương	Số 62/QĐ-UBND 10/04/2023		12,805.0	12,805.0	8,480.0	4,325.0	(3,519.0)	806.0	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết KH năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Số Dự án
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư được phê duyệt (theo lần cuối cùng nếu có)							
			Thời gian KC-HT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách địa phương					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
II	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025			68,500.0	68,500.0	16,017.4	49,787.6	(18,911.0)	30,876.6	1
1	Xây dựng trường THCS Tứ Minh, phường Tứ Minh	Số 280/QĐ-UBND ngày 20/11/2023		68,500.0	68,500.0	16,017.4	49,787.6	(18,911.0)	30,876.6	1
III	Dự án dự kiến khởi công mới năm 2025			81,160.5	81,160.5	-	-	3,757.0	3,757.0	4
1	Dự án Cải tạo, sửa chữa các khối nhà lớp học Trường Tiểu học Tứ Minh	906/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	2025-2026	5,077.0	5,077.0	-	-	800.0	800.0	1
2	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng 12 phòng trường THCS Cẩm Đoài, phường Tứ Minh	903/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	2025-2026	16,209.0	16,209.0	-	-	2,000.0	2,000.0	1
3	Cải tạo thoát nước, đường giao thông một số tuyến đường chính thôn Quảng Cư, Há Xá thuộc phường Tứ Minh	904/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	2025-2026	48,698.5	48,698.5	-	-	300.0	300.0	1
4	Cải tạo, sửa chữa mặt đường, hệ thống thoát nước các tuyến phố Phạm Quý Thích, Phạm Duy Ường và Lý Tử Cầu tổ dân phố Cẩm Khê A thuộc phường Tứ Minh	905/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	2025-2026	11,176.0	11,176.0	-	-	657.0	657.0	1

PHỤ LỤC 03- ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường Tứ Minh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư, Số QĐ, ngày, tháng, năm	Vốn đã bố trí, phân bổ năm 2025							Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-) và phân bổ	Vốn bố trí, phân bổ năm 2025 sau điều chỉnh							Số Dự án
			Tổng	Bao gồm							Tổng	Bao gồm						
				Vốn kế hoạch năm 2025				Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi 2024 chuyển nguồn sang 2025 cho đầu tư công				Vốn kế hoạch năm 2025				Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi 2024 chuyển nguồn sang 2025 cho đầu tư công		
				Trợ cấp có mục tiêu từ cấp trên	Nguồn tăng thu năm 2025	Vốn thu sử dụng đất		Tiền đền bù đất công điền khi NN thu hồi đất	Thu sử dụng đất			Tăng thu thường xuyên, tiết kiệm chi	Trợ cấp có mục tiêu từ cấp trên	Nguồn tăng thu năm 2025	Vốn thu sử dụng đất		Tiền đền bù đất công điền khi NN thu hồi đất	
Vốn giao theo KH năm 2025	Tiền đền bù đất công điền khi NN thu hồi đất	Vốn giao theo KH năm 2025	Tiền đền bù đất công điền khi NN thu hồi đất															
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
	TỔNG CỘNG		57,840,079,571	436,600,000	11,897,200,000	18,458,535,000	829,425,000	25,973,029,721	245,289,850	(9,882,979,571)	47,957,100,000	436,600,000	-	18,457,755,429	829,425,000	27,988,029,721	245,289,850	18
I	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025		17,016,339,569	436,600,000	4,181,000,000	6,199,973,000	829,425,000	5,369,341,569	-	(3,692,879,571)	13,323,459,998	436,600,000	-	6,688,093,429	829,425,000	5,369,341,569	-	13
II	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025		40,823,740,002	-	7,716,200,000	12,258,562,000	-	20,603,688,152	245,289,850	(9,947,100,000)	30,876,640,002	-	-	8,012,662,000	-	22,618,688,152	245,289,850	1
III	Dự án dự kiến khởi công mới năm 2025		-	-	-	-	-	-	-	3,757,000,000	3,757,000,000	-	-	3,757,000,000	-	-	-	4
	Chi tiết như sau																	
I	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025		17,016,339,569	436,600,000	4,181,000,000	6,199,973,000	829,425,000	5,369,341,569	-	(3,692,879,571)	13,323,459,998	436,600,000	-	6,688,093,429	829,425,000	5,369,341,569	-	13
1	Nhà ăn, nhà xe, nhà vệ sinh, tường rào, công, hệ thống thoát nước, sân trường TH Cẩm Đoài	Số 144/QĐ-UBND ngày 21/7/2022	71,706,000				71,706,000				71,706,000			71,706,000				1
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài. Tuyến 2: Từ công làng Hạ Xá đến công nhà ông Vũ Văn Hồng.	Số 109/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	243,800,000	243,800,000							243,800,000	243,800,000						1
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài. Tuyến 3: Thôn Hạ Xá. Từ Nhà văn hoá thôn Hạ Xá đến nhà ông Vũ Văn Độ xóm Hoà Bình	Số 110/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	342,800,000	192,800,000			150,000,000				342,800,000	192,800,000		150,000,000				1
4	Sân thể thao, nhà tập luyện thể thao thôn Kim Xá	Số 187/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	7,838,000			7,838,000				386,120,429	393,958,429		393,958,429					1
5	Cải tạo, sửa chữa hội trường và nhà làm việc với Đảng ủy - UBND - HĐND xã Cẩm Đoài	Số 85/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	23,690,000			23,690,000					23,690,000		23,690,000					1
6	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Cẩm Đoài	Số 63/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	1,480,171,569				450,000,000	1,030,171,569		102,000,000	1,582,171,569		102,000,000	450,000,000	1,030,171,569			1
7	Cải tạo, sửa chữa mái nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, mái che sân trường MN Cẩm Đoài	Số 184/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	279,057,000			12,622,000	157,719,000	108,716,000			279,057,000		12,622,000	157,719,000	108,716,000			1
8	Cải tạo, sửa chữa mái nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ trường TH Cẩm Đoài	Số 185/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	250,669,000			20,215,000		230,454,000			250,669,000		20,215,000	230,454,000				1
9	Cải tạo nhà làm việc 3 tầng, nhà vệ sinh trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Tứ Minh, TP Hải Dương	Số 115/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	614,282,000			614,282,000					614,282,000		614,282,000					1
10	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư môi Thương Đạt, phường Tứ Minh, TP Hải Dương	Số 132/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	277,088,000			277,088,000					277,088,000		277,088,000					1
11	Xây dựng nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Tứ Minh	Số 240/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	4,800,000,000		460,000,000	2,340,000,000	2,000,000,000			(460,000,000)	4,340,000,000		2,340,000,000	2,000,000,000				1

12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vũ Mạnh Hùng, khu Lô Cương, phường Tứ Minh, TPHĐ, đoạn từ đường Trường Chinh đến đình Lô Cương	Số 62/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	4,300,000,000		202,000,000	2,098,000,000		2,000,000,000		(202,000,000)	4,098,000,000			2,098,000,000		2,000,000,000		1
13	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước khu dân cư Lô Cương A, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương	Số 62/QĐ-UBND 10/04/2023	4,325,238,000		3,519,000,000	806,238,000				(3,519,000,000)	806,238,000			806,238,000				1
II	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025		40,823,740,002	-	7,716,200,000	12,258,562,000	-	20,603,688,152	245,289,850	(9,947,100,000)	30,876,640,002	-	-	8,012,662,000	-	22,618,688,152	245,289,850	1
1	Xây dựng trường THCS Tứ Minh, phường Tứ Minh	Số 280/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	40,823,740,002		7,716,200,000	12,258,562,000		20,603,688,152	245,289,850	(9,947,100,000)	30,876,640,002			8,012,662,000		22,618,688,152	245,289,850	1
III	Dự án dự kiến khởi công mới năm 2025		-	-	-	-	-	-	-	3,757,000,000	3,757,000,000	-	-	3,757,000,000	-	-	-	4
1	Dự án Cải tạo, sửa chữa các khối nhà lớp học Trường Tiểu học Tứ Minh	906/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	-							800,000,000	800,000,000			800,000,000				1
2	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng 12 phòng trường THCS Cẩm Đoài, phường Tứ Minh	903/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	-							2,000,000,000	2,000,000,000			2,000,000,000				1
3	Cải tạo thoát nước, cung cấp thông một số tuyến đường chính thôn Quảng Cư, Hà Xá thuộc phường Tứ Minh	904/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	-							300,000,000	300,000,000			300,000,000				1
4	Cải tạo, sửa chữa mặt đường, hệ thống thoát nước các tuyến phố Phạm Quý Thích, Phạm Duy Ưông và Lý Tử Cầu tổ dân phố Cẩm Khê A thuộc phường Tứ Minh	905/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	-							657,000,000	657,000,000			657,000,000				1

